

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 02/2025/HS-ST.
Ngày 07/01/2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT – TP. CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Viết Ngoan

2/ Ông Tăng Tài Thủ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Gia Hân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt – Thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt – Thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Hồng Quốc Vệ - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự đã thụ lý số 86/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2024/QĐXXST-HS ngày 28/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 357/2024/QĐST- HS, ngày 26/12/2024 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: Lê Tấn Đ - sinh năm 2003

Đăng ký thường trú: khu vực P, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp, chức vụ khi phạm tội: Chiến sỹ nghĩa vụ, Đội CSTHAHS và HTTP Công an quận T, thành phố Cần Thơ (đã bị tước danh hiệu Công an nhân dân); Đảng, đoàn thể khi phạm tội: không; Con ông: Lê Văn N, sinh năm 1980; Con bà: Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1981

Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/4/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: Nguyễn Minh H – sinh năm: 2002.

Đăng ký thường trú: khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp, chức vụ khi phạm tội: Chiến sỹ nghĩa vụ, Đội CSTHAHS và HTTP Công an quận T, thành phố Cần Thơ (đã bị tước danh

hiệu Công an nhân dân); Đảng, đoàn thể khi phạm tội: không; Con ông: Nguyễn Minh H1, sinh năm 1972; Con bà: Hồ Thị B, sinh năm 1973.

Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/4/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại*: 1/ Ông Trần Minh Tú E – sinh năm: 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: KV L, P. T, quận T, Tp.Cần Thơ

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam C1 – Bộ C2

2/ Ông Đinh Thanh S – sinh năm: 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: KV T, P. T, quận T, Tp.Cần Thơ

Hiện đang chấp hành án tại Nhà tạm giữ Công an quận T

3/ Ông Trần Văn T1 – sinh năm: 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: KV Q, P. T, quận T, Tp.Cần Thơ

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ1 – Bộ C2

4/ Ông Nguyễn Minh C – sinh năm: 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp D, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam K1 – Bộ C2

5/ Bà Hoàng Lê X – sinh năm: 2000 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, Tp.Cần Thơ

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ1 – Bộ C2

6/ Ông Trà Văn T2 – sinh năm: 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: KV Q, P. T, quận T, Tp.Cần Thơ

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam C3 – Bộ C2

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1/ Bà Trần Thị H2 – sinh năm: 2002 (có mặt)

Địa chỉ: KV Q, P. T, quận T, Tp.Cần Thơ

2/ Bà Võ Phương Hải D – sinh năm: 2000 (vắng mặt)

Địa chỉ: KV P, P. T, quận T, Tp.Cần Thơ

3/ Ông Nguyễn Văn N1 – sinh năm: 2004 (có mặt)

Địa chỉ: KV P, P. T, quận T, Tp.Cần Thơ

4/ Bà Lê Thị Thúy V – sinh năm: 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, Tp.Cần Thơ

5/ Bà Võ Thị Kim G – sinh năm: 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: KV L, P. T, quận T, Tp.Cần Thơ

- 6/ Bà Trần Thị L – sinh năm: 1961 (có mặt)
Địa chỉ: KV L, phường T, quận T, Cần Thơ
- 7/ Ông Nguyễn Đức Q – sinh năm: 2002 (vắng mặt)
Địa chỉ: KV P, phường T, quận T, Cần Thơ
- 8/ Ông Nguyễn Dương Gia B1 – sinh năm: 2004 (vắng mặt)
Địa chỉ: KV P, phường T, quận T, Tp.Cần Thơ
Nơi ở hiện nay: khu tập thể Nhà tạm giữ Công an quận T
- 9/ Ông Ngô Thành D1 – sinh năm: 1968 (vắng mặt)
Địa chỉ: KV L, phường T, quận T, Cần Thơ
Nơi ở hiện nay: khu tập thể Nhà tạm giữ Công an quận T
- 10/ Ông Huỳnh Ích T3 – sinh năm: 1973 (vắng mặt)
Địa chỉ: KV L, phường T, quận T, Cần Thơ
Nơi ở hiện nay: khu tập thể Nhà tạm giữ Công an quận T
- 11/ Ông Nguyễn Văn H3 – sinh năm: 1984 (vắng mặt)
Địa chỉ: KV P, phường T, quận T, Tp.Cần Thơ
Nơi ở hiện nay: khu tập thể Nhà tạm giữ Công an quận T
- 12/ Ông Ngô Trọng L1 – sinh năm: 1990 (vắng mặt)
Địa chỉ: KV T, phường T, quận Ô, Tp.Cần Thơ
Nơi ở hiện nay: khu tập thể Nhà tạm giữ Công an quận T
- 13/ Ông Phạm Tấn Minh T4 – sinh năm: 1983 (vắng mặt)
Địa chỉ: khu V, phường A, quận N, Tp.Cần Thơ
Nơi ở hiện nay: khu tập thể Nhà tạm giữ Công an quận T
- 14/ Ông Phạm Nhất K – sinh năm: 1997 (có mặt)
Địa chỉ: khu V, phường H, quận C, Tp.Cần Thơ
Nơi ở hiện nay: khu tập thể Nhà tạm giữ Công an quận T
- 15/ Ông Lê Văn N – sinh năm: 1980 (có mặt)
Địa chỉ: KV P, P. T, quận T, Tp.Cần Thơ
- 16/ Ông Nguyễn Minh H1 – sinh năm: 1972 (có mặt)
Địa chỉ: KV T, P. T, quận T, Tp.Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/10/2023 Công an quận T, thành phố Cần Thơ tiến hành kiểm tra đột xuất về công tác tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ. Qua kiểm tra phát hiện nhiều sai phạm liên quan đến thực hiện nội quy cơ sở giam giữ cụ thể: Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2023 đến tháng 10/2023, chiến sĩ nghĩa vụ Lê Tấn Đ và Nguyễn Minh H thuộc Đội Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp được phân công nhiệm vụ hỗ trợ cán bộ quản giáo, tuần tra, canh gác bảo vệ trong khu vực Nhà tạm giữ Công an quận T đã lợi dụng công tác quản lý, việc phối hợp giữa các bộ phận trong đơn vị chưa đồng bộ nên vào các giờ nghỉ trưa hoặc đêm khuya trong ca trực, Lê Tấn Đ và Nguyễn Minh H đã cho các bị can đang bị tạm giam sử dụng điện thoại gọi điện về nhà và yêu cầu các bị can và người thân, gia đình các bị can phải đưa số tiền 200.000 đồng/lần; nhận, chuyển, mua đồ ăn, thực phẩm, vật cấm như thuốc lá, bật lửa cho các bị can là 300.000đồng/lần; mang điện thoại vào buồng giam sử dụng 2.000.000đồng/lần; sạc pin điện thoại 300.000 đồng/lần. Sau khi được sử dụng điện thoại để gọi, các bị can sẽ điện thoại báo cho người thân chuyển tiền mặt hoặc chuyển khoản cho Đ, H.

Sau khi phát hiện, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C tiến hành xác minh xác định vụ việc có dấu hiệu tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp nên ngày 12/12/2023 có Công văn số 1083/CQCSĐT trao đổi với Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ. Ngày 21/12/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ gửi Công văn số 523/VKS-P2 đề nghị Cơ quan điều tra VKSND tối cao xem xét xử lý đối với những sai phạm trong công tác tạm giữ, tạm giam của Nhà tạm giữ Công an quận T.

Quá trình điều tra xác định được như sau:

1/Hành vi phạm tội của Lê Tấn Đ: Lê Tấn Đ biết các bị can Trần Minh Tứ E bị khởi tố về tội "Cướp giật tài sản"; Trần Văn T1 và Hoàng Lê X bị khởi tố về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; Nguyễn Minh C, bị khởi tố về tội "Trộm cắp tài sản"; Trà Văn T2, bị khởi tố về tội "Cố ý gây thương tích" đang bị tạm giam có nhu cầu sử dụng điện thoại nên Đ đã đưa điện thoại của mình vào buồng giam cho các bị can này gọi điện cho gia đình, người thân, chuyển thức ăn, đồ vật cấm (thuốc lá, bật lửa, sim điện thoại, tai nghe, sạc pin) vào buồng giam cho các bị can sử dụng trái quy định rồi chiếm đoạt tổng số 50.600.0000 đồng của họ, cụ thể như sau:

- Đối với bị can Trần Minh Tứ E: Các ngày 17, 27/8/2023; 17/10/2023, Lê Tấn Đ 03 lần cho Trần Minh Tứ E mượn điện thoại để gọi cho người thân, ngày hôm sau gia đình Tứ E gửi thức ăn qua Lê Tấn Đ để chuyển vào buồng giam cho Trần Minh Tứ E, đồng thời đã 02 lần đưa tiền mặt là 1.000.000 đồng cho Lê Tấn Đ.

- Đối với bị can Trần Văn T1: Ngày 06/10/2023, Lê Tấn Đ chuyển cho Trần Văn T1 mượn 01 điện thoại hiệu Iphone 6S để sử dụng, đến ngày 16/10/2023, Trần Thị H2 là cháu của T1 gửi 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen, Đ đã đưa vào buồng giam cho T1 và lấy lại điện thoại Iphone 6S. Khi hết pin thì Trần Văn T1 ném điện thoại ra trước cửa buồng giam để Lê Tấn Đ đến lấy để sạc pin. Sau đó, Trần Văn T1 gọi điện thoại cho bà Trần Thị H2 bảo chuyển tiền cho Lê Tấn Đ.

Lê Tấn Đ mượn số tài khoản của Nguyễn Minh H nhưng Hạc cho số tài khoản số 0327558470 tại Ngân hàng TMCP Q1 chi nhánh C4 (gọi tắt MB) của Nguyễn Văn N1 là bạn của H; Các ngày 19, 21, 22/7/2023 bà H2 đã 03 lần chuyển vào tài khoản này với tổng số tiền là 3.000.000đồng. Sau đó, Nguyễn Văn N1 chuyển khoản lại số tiền này cho H; H đã rút tiền 3.000.000đồng đưa cho Đ. Ngoài ra, từ ngày 08/8/2023 đến ngày 16/10/2023, bà H2 đã 23 lần chuyển đến tài khoản số 0001724393236 tại Ngân hàng M cho Lê Tấn Đ với tổng số tiền là 34.900.000 đồng.

- Đối với bị can Hoàng Lê X: Hoàng Lê X và bị can Trần Văn T1 là vợ chồng cùng bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận T. Từ khoảng tháng 7/2023, Trần Văn T1 đã nhờ Lê Tấn Đ chuyển thức ăn, điện thoại cho X và Đ đã cho X mượn điện thoại nhiều lần để gọi cho người thân. Từ ngày 11/10/2023, Đ đưa cho X 01 điện thoại Iphone 5S sử dụng, đến ngày 14/10/2023, Trần Thị H2 (cháu của T1) đưa cho Lê Tấn Đ 01 điện thoại di động hiệu Samsung, 01 sạc pin dự phòng, 01 dây sạc, 01 tai nghe để chuyển vào buồng giam cho X sử dụng. Sau đó, các ngày 19,25, 28/9/2023 và các ngày 06,10,16/10/2023, người thân của bị can X đã 06 lần chuyển số tiền 6.500.000đồng vào tài khoản số 0001724393236 tại Ngân hàng M cho Đ.

- Đối với bị can Nguyễn Minh C: Vào khoảng tháng 8/2023 đến tháng 9/2023, Lê Tấn Đ đã 02 lần cho Nguyễn Minh C mượn điện thoại gọi cho người thân, sau đó 02 lần Đ chuyển thức ăn, thuốc lá, bật lửa vào buồng giam cho C và nhận tiền từ người thân của C 03 lần với tổng số tiền 1.500.000đồng (Ngày 23/9/2023 chuyển vào tài khoản số 0001724393236 tại Ngân hàng M của Lê Tấn Đ 500.000 đồng và đưa tiền mặt 1.000.000 đồng).

- Đối với bị can Trà Văn T2: Khoảng tháng 9/2023, người thân của bị can Trà Văn T2 gửi Lê Tấn Đ 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J6+ màu đen, 01 tai nghe và nhiều lần Đ nhận thực phẩm, thuốc lá để chuyển vào buồng giam cho T2. Ngày 12/10/2023, người thân của Trà Văn T2 chuyển 2.000.000 đồng vào tài khoản số 0001724393236 tại Ngân hàng M cho Đ và 02 lần Đ nhận trực tiếp số tiền 1.500.000 đồng.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định ngày 27/9/2023, tài khoản số 0001724393236 tại Ngân hàng M của Lê Tấn Đ còn nhận được 200.000 đồng với nội dung chuyển khoản là “Đinh Thanh S chuyển”, Lê Tấn Đ khai chỉ nói chuyện với S, không cho bị can Đinh Thanh S mượn điện thoại hay đưa đồ ăn cho S; bị can Đinh Thanh S không biết tại sao người nhà lại chuyển tiền cho Đ, số tiền trên Đ đã tiêu xài hết.

2/ Hành vi phạm tội của bị can Nguyễn Minh H: Tương tự như bị can Lê Tấn Đ, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Nguyễn Minh H đã cho các bị can Trần Văn T1, Đinh Thanh S bị khởi tố và tạm giam về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" mượn điện thoại gọi cho người thân đưa thức ăn, thuốc lá, bật lửa cho H để chuyển vào buồng giam cho các bị can sử dụng trái quy định rồi nhận tiền và chiếm đoạt tổng số tiền 4.700.0000 đồng, cụ thể như sau:

- Đối với bị can Trần Văn T1: Vào khoảng tháng 7/2023, Nguyễn Minh H đã nhiều lần cho Trần Văn T1 mượn điện thoại để gọi cho người thân, sau đó H nhận và chuyển đồ ăn vào buồng giam cho Trần Văn T1. Các ngày 17, 18/7/2023, Nguyễn Minh H nhận số tiền 2.000.000 đồng qua tài khoản số 0327558470 tại ngân hàng M của Nguyễn Văn N1 (bạn của H) và nhận trực tiếp số tiền 1.000.000 đồng;

- Đối với bị can Đinh Thanh S: Từ tháng 9/2023 đến tháng 10/2023, Nguyễn Minh H đã 02 lần cho Đinh Thanh S mượn điện thoại di động để gọi cho người thân và 03 lần chuyển thức ăn, thuốc lá, thư viết tay cho Đinh Thanh S, sau đó người thân của bị can S chuyển cho H số tiền 1.700.000 đồng.

Quá trình điều tra, Lê Tấn Đ và Nguyễn Minh H thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận nhận tội phù hợp với lời khai của những người liên quan và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt Lê Tấn Đ, Nguyễn Minh H để sử dụng cá nhân. Hành vi của bị can Lê Tấn Đ và Nguyễn Minh H đã vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 4 Thông tư 32/2017/TT-BCA ngày 19/9/2017 của Bộ C2 quy định danh mục đồ vật cấm đưa vào buồng tạm giữ, buồng tạm giam và vi phạm khoản 4, 6 Nội quy cơ sở giam giữ (ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BCA ngày 19/9/2017 của Bộ C2).

Về trách nhiệm của những người liên quan:

- Đối với tập thể lãnh đạo Nhà tạm giữ Công an quận T, thành phố Cần Thơ: Kết quả điều tra xác định những người này không biết việc làm trái pháp luật của các bị can Lê Tấn Đ, Nguyễn Minh H nhưng đã thiếu trách nhiệm trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, giám sát, công tác tạm giữ, tạm giam, không phát hiện kịp thời để chấn chỉnh, khắc phục dẫn đến cán bộ chiến sĩ có hành vi vi phạm pháp luật trong thời gian dài.

Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã ban hành Kiến nghị số 54/KN- VKSTC-C1 (P10) ngày 24/9/2024 đến Giám đốc Công an thành phố C yêu cầu xem xét trách nhiệm để tổ chức kiểm điểm, xử lý nghiêm tập thể, cán bộ có liên quan và rút kinh nghiệm chung là phù hợp.

- Đối với Nguyễn Văn N1: Đã cho Nguyễn Minh H sử dụng số tài khoản để nhận tiền nhưng không biết đây là tiền do Lê Tấn Đ, Nguyễn Minh H chiếm đoạt từ gia đình của các bị can. Sau khi nhận được tiền Nguyễn Văn N1 đã chuyển lại cho Nguyễn Minh H và không hưởng lợi từ số tiền các bị can đã chiếm đoạt Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Trong quá trình điều tra, giải quyết vụ án Cơ quan điều tra còn phát hiện vụ việc có dấu hiệu “ *Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, xảy ra trong khu vực giam giữ thuộc Nhà tạm giữ Công an quận T. Do không thuộc thẩm quyền điều tra nên Cơ quan điều tra VKSND tối cao đã chuyển nguồn tin về tội phạm này đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C để xác minh giải quyết theo thẩm quyền.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không;
- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị can Lê Tấn Đ, Nguyễn Minh H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án; Tự nguyện tác động cho người thân nộp toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tài liệu, vật chứng đã thu giữ: Số tiền 55.800.000 đồng; 16 điện thoại và các đồ vật khác theo biên bản thu giữ lập ngày 17/10/2023 của Công an quận T, hiện nay Cơ quan điều tra VKSND tối cao đang tạm giữ.

Tại Cáo trạng số 9870/CT-VKS ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao truy tố các bị cáo Lê Tấn Đ, Nguyễn Minh H về tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố, không bổ sung gì thêm. Các bị cáo hối hận về hành vi của mình do nhận thức pháp luật còn hạn chế không biết việc làm vi phạm pháp luật hình sự nên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để sớm về đoàn tụ chăm lo cho gia đình, phấn đấu trở thành công dân tốt giúp ích cho xã hội.

Người bị hại vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Thị H2, ông Nguyễn Văn N1, bà Trần Thị L, ông Phạm Nhất K, ông Lê Văn N, ông Nguyễn Minh H1 vẫn giữ nguyên ý kiến như trong quá trình điều tra, không bổ sung gì thêm, đồng thời, yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo sớm về đoàn tụ với gia đình.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố, không bổ sung gì thêm; đồng thời, phát biểu quan điểm luận tội phân tích hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trên cơ sở đó đề nghị:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Tấn Đ, Nguyễn Minh H cùng phạm tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*” .

[1] *Về trách nhiệm hình sự:* Căn cứ vào các Điều 38, các điểm b,s khoản 1,2 Điều 51; Điều 54, điểm c khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lê Tấn Đ từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh H từ 01 năm đến 02 năm tù.
- Về hình phạt bổ sung: Miễn cho các bị cáo do không có chức vụ, nghề nghiệp và thu nhập ổn định.

[2] *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với số tiền 55.300.000đồng là tiền các bị cáo thu lợi bất chính nên tịch thu sung ngân sách nhà nước; Đối với số tiền 500.000 đồng của ông Lê Văn N nộp dư so với số tiền bị cáo Đ phải nộp khắc phục hậu quả nên cần trả lại cho ông N trong tổng số tiền 55.800.000đồng đang tạm giữ theo Phiếu nộp tiền ngày 18/9/2024 của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

- Đối với tài sản các công cụ, phương tiện liên quan đến việc phạm tội còn giá trị sử dụng thì tịch thu sung ngân sách nhà nước; Đối với các tài sản là công cụ, phương tiện không còn giá trị sử dụng thì tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[3] *Về trách nhiệm dân sự*: Các bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nên không xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí hình sự sơ thẩm*: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự*. Quá trình điều tra truy tố và xét xử, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa, người bị hại, một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Xét trong điều tra đã thu thập được lời khai của những người này, khi cần thiết Hội đồng xét xử công bố lời khai tại phiên tòa. Do đó, việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 292,293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] *Về hành vi phạm tội của các bị cáo*: Trong điều tra và qua tranh tụng tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2023 đến tháng 10/2023, bị cáo Lê Tấn Đ, Nguyễn Minh H là chiến sĩ nghĩa vụ thuộc Đội Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp được phân công nhiệm vụ hỗ trợ cán bộ quản giáo, tuần tra, canh gác bảo vệ trong khu vực Nhà tạm giữ Công

an quận T đã lợi dụng công tác quản lý, việc phối hợp giữa các bộ phận trong đơn vị chưa đồng bộ nên vào các giờ nghỉ trưa hoặc đêm khuya trong ca trực, các bị cáo Đ, H đã cho bị hại là các đối tượng phạm tội đang bị tạm giam sử dụng điện thoại gọi điện cho người thân, yêu cầu bị hại và người thân phải đưa cho các bị cáo số tiền 200.000đồng/lần; Nhận, chuyển, mua đồ ăn, thực phẩm, vật cấm như thuốc lá bật lửa số tiền 300.000 đồng/lần; Mang điện thoại di động vào buồng giam sử dụng số tiền 2.000.000đồng/lần; Sạc pin điện thoại 300.000đồng/lần. Sau khi được sử dụng điện thoại để gọi, bị hại sẽ điện thoại báo cho người thân chuyển tiền mặt hoặc chuyển khoản cho các bị cáo cụ thể như sau:

Bị cáo Lê Tấn Đ biết bị hại ông Trần Minh Tứ E bị khởi tố về tội "*Cướp giật tài sản*", bị hại ông Trần Văn T1 và bà Hoàng Lê X bị khởi tố về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*", bị hại ông Nguyễn Minh C bị khởi tố về tội "*Trộm cắp tài sản*", bị hại ông Trà Văn T2 bị khởi tố về tội "*Cố ý gây thương tích*" đang bị tạm giam có nhu cầu sử dụng điện thoại nên bị cáo Đ đã đưa điện thoại của mình vào buồng giam cho này gọi điện cho gia đình, người thân, chuyển thức ăn, đồ vật cấm (thuốc lá, bật lửa, sim điện thoại, tai nghe, sạc pin) vào buồng giam cho các bị hại sử dụng trái quy định rồi chiếm đoạt tổng số tiền 50.600.000đồng của bị hại. Cũng như bị cáo Đ thì bị cáo Nguyễn Minh H đã cho các bị hại ông Trần Văn T1, Đinh Thanh S bị khởi tố và tạm giam về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" mượn điện thoại gọi cho người thân đưa thức ăn, thuốc lá, bật lửa cho H để chuyển vào buồng giam cho bị hại này sử dụng trái quy định rồi nhận tiền và chiếm đoạt tổng số 4.700.000đồng.

Hành vi của bị cáo Lê Tấn Đ, Nguyễn Minh H đã vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 4 Thông tư 32/2017/TT-BCA ngày 19/9/2017 Bộ C2 quy định danh mục đồ vật cấm đưa vào buồng tạm giữ, buồng tạm giam và vi phạm quy định tại các khoản 4, 6 Nội quy cơ sở giam giữ ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BCA, ngày 19/9/2017 của Bộ C2. Vì vụ lợi các bị cáo đã nhiều lần làm trái công vụ để chiếm đoạt tài sản của người khác nên cáo trạng truy tố các bị cáo về tội "*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*" với tình tiết định khung phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[4] *Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:*

Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến hoạt động đúng đắn công tác tạm giữ, tạm giam và uy tín của Nhà tạm giữ Công an quận T nói riêng và hoạt động của các nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố C nói chung. Các bị cáo là người có quyền hạn nhất định được giao và có đầy đủ nhận thức và biết rõ quy định, hành vi mà các bị cáo đã thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện vì động cơ vụ lợi, thể hiện tính xem thường pháp luật của các bị cáo nên cần có mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Trong vụ án có 02 bị cáo cùng bị truy tố, tuy nhiên giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, thống nhất và thực hiện hành vi phạm tội độc lập với nhau nên căn cứ tính chất mức độ vi phạm Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt. Các bị cáo đều chủ động đề nghị với các bị hại để cho mượn điện thoại để gọi cho người thân, nhiều lần nhận và chuyển thức ăn, đồ vật cấm từ thân nhân của các bị hại để chuyển vào buồng giam cho các bị hại sử dụng trái quy định. Qua đó, bị cáo Đ đã chiếm đoạt số tiền 50.600.000đồng và bị cáo H chiếm đoạt 4.700.000đồng của các bị hại nên đánh giá mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo Đ là cao hơn bị cáo H.

[5] *Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Các bị cáo có đều nhân thân tốt, chưa tiền án tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính khắc phục hậu quả, nhận thức pháp luật của các bị cáo còn hạn chế và hoàn cảnh gia đình khó khăn về kinh tế nên đây các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b,s khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo. Qua xem xét mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo đều có ít nhất 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[6] *Về hình phạt bổ sung:* Do các bị cáo không có chức vụ, nghề nghiệp thu nhập ổn định và hoàn cảnh gia đình khó khăn nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[7] *Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:* Theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[8] *Về án phí hình sự:* Các bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định.

[9] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Tấn Đ, Nguyễn Minh H cùng phạm tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*”.

[1] *Về trách nhiệm hình sự:* Căn cứ vào Điều 38, các điểm b,s khoản 1,2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, điểm c khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lê Tấn Đ 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 24/4/2024.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh H 01 (Một) năm 06 (S1) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 24/4/2024.

- Về hình phạt bổ sung: Miễn cho các bị cáo.

[2] *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: Số tiền 55.300.000đồng; Trả lại cho ông Lê Văn N số tiền 500.000 đồng trong tổng số tiền 55.800.000 đồng tạm giữ theo Phiếu nộp tiền ngày 18/9/2024 của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động Iphone 7 Plus màu xám bạc, bên trong gắn sim Mobile phone 4G có số thuê bao 0763684183, màn hình bị bể; 01 (một) điện thoại di động Iphone 6S, màu vàng gold; 01 (một) điện thoại di động Iphone 5S màu vàng gold; 01 (một) điện thoại di động Samsung J3 màu vàng gold, số model SM-J320G/DS, FCC ID: A3LSMJ320F, trong máy có thẻ nhớ hiệu Sandisk Ultra 16GB; 01 (một) điện thoại Nokia 1172 màu đen; 03 (ba) điện thoại di động Nokia 1280 màu đen; 01 (Một) điện thoại di động cảm ứng, hiệu S3, màu bạc Model: SM- J320G/DS, FCC ID: A3LSMJ320F, bên trong có gắn sim số thuê bao 0778172585; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu bạc, số seri: 7244253, màn hình bị bể; 01 (một) điện thoại di động cảm ứng hiệu Nokia C30, số Imei 1: 350804635281018, số Imei 2: 350804635281026, màu đen, trong máy có 01 sim có số thuê bao 0865232440; 01 (một) điện thoại di động bàn phím, hiệu Nokia, màu đen, đã qua sử dụng, có số code 23KIG74VN00; 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy A03, có số seri R9YT809YYBA, có gắn sim Mobiphone số thuê bao 0792769207; 01 (một) sạc dự phòng hiệu Vivan màu đen; 01 (một) tai nghe có dây màu trắng (S3); 01 (một) dây sạc Iphone màu trắng; 01 (một) dây sạc micro USB màu trắng; 02 (hai) pin điện thoại Nokia; 01 (một) điện thoại iphone 7 plus màu hồng, bên trong máy có sim số ký hiệu 8401220992187896 (bị khóa mật khẩu); 01 (một) điện thoại Nokia màu xanh Model TA-1174, code: 23KIG74BH00, bên trong máy có sim có số ký hiệu 898408100 itel 08755697659; 01 (một) điện thoại cảm ứng S2 đã qua sử dụng màu đen, bên trong máy có sim số thuê bao 0788965261 (bị khóa mật khẩu); 01 (một) điện thoại S2 đã qua sử dụng màu đen, bên trong máy có sim số thuê bao 0794409714 (bị khóa mật khẩu); 01 (một) dây sạc USB type C màu trắng; 01 (một) dây sạc iphone màu trắng; 01 (một) dây sạc micro màu trắng; 01 (một) dây tai nghe màu đen hiệu Realme; 01 (một) dây tai nghe màu trắng hiệu “hte”; 01 (một) tai nghe không dây màu đen; 01 (một) thẻ nhớ Micro SD 02 (hai) GB màu đen số 1316PW5515P; 01 thẻ nhớ Micro SD 02 (hai) GB màu đen; 02 (hai) pin Nokia; 01 (một) sạc điện thoại dự phòng hiệu Xmobile.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bịch thuốc lá cắt nhuyễn; 04 (bốn) lá thư viết tay có chữ ký xác nhận của Nguyễn Minh H; 08 (tám) tấm hình chụp đối tượng Trà Văn T2; 05 (năm) vỏ sim điện thoại số thuê bao: 0794409714,

0788965261, 0792769207, 0778172585, 0775872103; 06 (sáu) gói thuốc hút hiệu Mélia (còn nguyên vẹn); 01 (một) bịch thuốc lào; 01 (một) gói thuốc hút hiệu HERO (còn nguyên vẹn); 01 (một) sim 4G Mobile phone có số 8401230492002559.

(*Vật chứng được thể hiện theo Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 21/10/2024 giữa Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt và Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao*)

[3] *Về trách nhiệm dân sự*: Người bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nên không xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí hình sự sơ thẩm*: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Lê Tấn Đ, Nguyễn Minh H mỗi người phải nộp số tiền 200.000đồng án phí.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ
- VKSND quận Thốt Nốt;
- Công an quận Thốt Nốt;
- Cơ quan THA quận Thốt Nốt;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Bá Lộc